

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số 35/16, Tổ 16, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn C, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 35/16, Tổ 16, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị X trình bày: Năm 2004, chị X và anh C chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương là hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, chị X và anh C có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05/9/2005 và Nguyễn Tấn A, sinh ngày 22/8/2007. Sau khi kết hôn, chị X và anh C sống hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn

quan tâm, chăm sóc nhau đã 10 năm nay; mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, từ tháng 01/2022 đến nay chị X đã dọn ra ở riêng.

Nay, chị X thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống, nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C; về con chung: Tại đơn khởi kiện, chị X yêu cầu được nuôi cháu T, đồng ý để anh C nuôi cháu A; quá trình giải quyết vụ án, chị X trình bày do chị đang ở trọ chưa có nhà, nên đồng ý giao cả 02 người con cho anh C nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn C trình bày: Thống nhất như chị X trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung; về mâu thuẫn vợ chồng, anh C cho rằng không có gì lớn, anh C vẫn giúp chị X chăm sóc con. Tuy nhiên, từ tháng 01/2022 đến nay chị X tự ý ra ở riêng, không còn sống chung với anh C.

Trước yêu cầu ly hôn của chị X, anh C không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị X và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho các con ăn học. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh C đề nghị được nuôi cả 02 con, về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận; về tài sản chung, nợ chung: Anh C không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Do mâu thuẫn vợ chồng chị X và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị X; về con chung: Do chị X chưa có nơi ở ổn định và đồng ý để anh C nuôi cả 02 con, anh C cũng đồng ý được nuôi cả 02 con và nguyện vọng của các cháu muốn ở với anh C, nên đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu Nguyễn Tấn A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: các bên không có yêu cầu tranh chấp nên đề nghị không giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Tấn C hiện đang cư trú tại: Số 35/16, Tổ 16, Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Tấn C chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn mất lòng tin với nhau; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; chị X đã sống riêng từ tháng 01/2022 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

[3] Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị X yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị X.

[4] Về con chung: Chị X và anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 22/8/2007; chị X đồng ý để anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con, ý kiến của anh C là được nuôi cả 02 con, nguyện vọng của cháu T và cháu A muốn được sống với anh C. Xét thấy, các cháu hiện đang sống chung với anh C, chị X chưa có nhà ở ổn định, nên việc các cháu ở với anh C sẽ tốt hơn, phù hợp với ý kiến của anh C, chị X và nguyện vọng của các cháu; do đó, cần giao cháu T và cháu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; về cấp dưỡng nuôi con, anh C và chị X không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị X và anh C không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X và giao 02 con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn C về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Tấn C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133, quyền số 01 ngày 25/11/2004 do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã (nay là

thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Tấn C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Nguyễn Tấn A, sinh ngày 22/8/2007 cho anh Nguyễn Tấn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Nguyễn Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở chị X thực hiện quyền này; trường hợp, chị X lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh C thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị X.

Sau này, vì lợi ích hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Thùy T và cháu Nguyễn Tấn A, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0000948 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường